

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2023/DS-ST
Ngày: 19-5-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung.
- Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 427/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2022 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2023/QĐXX-ST ngày 16 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1952; địa chỉ: Số 813 (số cũ 79/64), tổ 64, khu phố 8, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1974; địa chỉ: Số 817, đường N, tổ 64, khu phố 8, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 23 tháng 9 năm 2022 và ngày 12 tháng 5 năm 2023), có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Trương Ánh T1; sinh năm 1980; địa chỉ: Số 171/2/6, tổ 84, khu phố 6, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Nguyễn Vân T2, sinh năm 1971; địa chỉ: Số 813 (số cũ 79/64), tổ 64, khu phố 8, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

3.2. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1974; địa chỉ: Số 817, đường N, tổ 64, khu phố 8, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

3.3. Bà Nguyễn Văn T3, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 811, đường N, tổ 64, khu phố 8, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

3.4. Bà Đỗ Thị Mỹ H1; sinh năm 1974; địa chỉ: Số 96/54, tổ 54, khu phố 7, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Bà H1 đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Bình Dương, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 8 năm 2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 08 tháng 02 năm 2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1950, chết năm 2020 sống chung như vợ chồng với bà Nguyễn Thị T từ năm 1970; ông V và bà T không đăng ký kết hôn.

Ông V và bà Nguyễn Thị T có 03 con chung:

1. Bà Nguyễn Văn T2, sinh năm 1971.
2. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1974.
3. Bà Nguyễn Văn T3, sinh năm 1978.

Ngoài ra, ông V không còn người con riêng hay con nuôi nào khác.

Cha ông V là ông Nguyễn Tấn S, sinh năm 1928, chết năm 2012; mẹ ông V là bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1927, chết năm 1978.

Do được người quen giới thiệu nên khi còn sống, ông V cho bà Trương Ánh T1 vay nhiều lần tiền, cụ thể:

- Ngày 03 tháng 10 năm 2017, ông V cho bà Trương Ánh T1 vay số tiền 500.000.000 đồng, thời gian vay 05 ngày. Khi vay tiền các bên có lập giấy vay tiền, mặc dù giấy vay không thể hiện lãi suất nhưng lãi suất các bên thỏa thuận là 5%/tháng. Khi vay tiền, bà Trương Ánh T1 có giao cho ông V bản chính Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Âm thực K8 (do bà Trương Ánh T1 là giám đốc) để làm tin, hiện nay gia đình của ông V vẫn đang giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trên.

- Cũng trong ngày 03 tháng 10 năm 2017, ông V cho bà Trương Ánh T1 vay số tiền 300.000.000 đồng, thời gian vay 05 ngày. Khi vay tiền các bên có lập giấy vay tiền, mặc dù giấy vay không thể hiện lãi suất nhưng lãi suất các bên thỏa thuận là 5%/tháng.

- Ngày 10 tháng 02 năm 2018, ông V cho bà Trương Ánh T1 vay số tiền 10.000.000 đồng và 01 lượng vàng SJC, thời gian vay 01 tháng. Khi vay tiền các bên có lập giấy vay tiền, mặc dù giấy vay không thể hiện lãi suất nhưng lãi suất các bên thỏa thuận là 5%/tháng.

Từ khi bà Trương Ánh T1 vay tiền ông V đến nay thì bà Trương Ánh T1 không trả khoản tiền vay gốc và lãi suất nào cho ông V và gia đình của ông V. Do bà Trương Ánh T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ, hiện nay ông V cũng đã chết nên bà

Nguyễn Thị T (là người có quan hệ hôn nhân thực tế với ông V) khởi kiện yêu cầu bà Trương Ánh T1 trả:

- Số tiền vay gốc 500.000.000 đồng và 300.000.000 đồng của khoản vay ngày 03 tháng 10 năm 2017; cùng lãi suất của số tiền 800.000.000 đồng tính từ ngày 09 tháng 10 năm 2017 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 19 tháng 5 năm 2023 với mức lãi suất 10%/năm với số tiền 448.889.000 đồng.

- Số tiền vay gốc 10.000.000 đồng và 01 lượng vàng SJC quy đổi ra tiền Việt Nam đồng là 50.000.000 đồng của khoản vay ngày 10 tháng 02 năm 2018. Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu tính lãi suất của khoản vay này.

Tổng số tiền bà Nguyễn Thị T yêu cầu bà Trương Ánh T1 trả cho những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn V số tiền 1.308.889.000 đồng gồm tiền vay gốc là 860.000.000 đồng, lãi suất là 448.889.000 đồng.

Chứng cứ bà Nguyễn Thị T cung cấp là bản photocopy (đã được Tòa án đối chiếu đúng với bản chính) 02 giấy mượn tiền ngày 03 tháng 10 năm 2017, giấy mượn tiền ngày 10 tháng 02 năm 2018, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Âm thực K8.

Bị đơn bà Trương Ánh T1 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không có ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Vân T3, bà Nguyễn Vân T2 thống nhất mọi ý kiến và yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Mỹ H1 trình bày: Bà H1 có quan hệ quen biết với bà Trương Ánh T1; bà H1 là hàng xóm của ông Nguyễn Văn V và đã nhiều lần vay tiền của ông V. Các lần bà H1 vay tiền ông V thì bà H1 nhận tiền trực tiếp từ ông V mà không nhờ bà Trương Ánh T1 hay ai khác nhận tiền vay của ông V dùm bà H1. Giấy vay tiền ngày 03 tháng 10 năm 2017 giữa bà Trương Ánh T1 và ông Nguyễn Văn V không liên quan đến bà H1, bà H1 không nhận số tiền 300.000.000 đồng như nội dung giấy vay tiền ngày 03 tháng 10 năm 2017 thể hiện.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và có đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Theo đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu bà Trương Ánh T1 trả tiền vay cho bà Nguyễn Thị T đối với các khoản vay mà khi còn sống ông Nguyễn Văn V đã cho bà Trương Ánh T1 vay. Nay nguyên đơn xác định nguyên đơn yêu cầu bà Trương Ánh T1 trả cho những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn V gồm bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Vân T2, bà Nguyễn Vân T3 số tiền 1.308.889.000 đồng gồm tiền vay gốc là 860.000.000 đồng, lãi suất là 448.889.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến và yêu cầu khắc phục gì thêm về tố tụng.

Về nội dung: Các giấy mượn tiền ngày 03 tháng 10 năm 2017 và ngày 10 tháng 02 năm 2018 đều có chữ ký, chữ viết, dấu vân tay của người vay tiền là bà Trương Ánh T1 và tại các giấy vay tiền cũng thể hiện bà Trương Ánh T1 đã nhận đủ tiền vay của ông V. Do đó có căn cứ xác định bà Trương Ánh T1 vay ông V số tiền 500.000.000 đồng và 300.000.000 đồng vào ngày 03 tháng 10 năm 2017, 10.000.000 đồng và 01 lượng vàng SJC vào ngày 10 tháng 02 năm 2018; các giấy vay tiền thể hiện các bên thỏa thuận vay có kỳ hạn và không có lãi suất nên đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và không lãi suất theo quy định tại Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; thời hạn trả tiền của hai khoản vay ngày 03 tháng 10 năm 2017 là ngày 09 tháng 10 năm 2017 và thời hạn trả tiền của khoản vay ngày 10 tháng 02 năm 2018 là ngày 10 tháng 3 năm 2018. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trương Ánh T1 không tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh đã thanh toán đầy đủ tiền vay theo thời hạn đã thỏa thuận; giấy vay tiền ngày 03 tháng 10 năm 2017 đối với khoản vay 300.000.000 đồng, bà Tuyết có ký tên và ghi họ tên phía dưới mục người mượn tiền và có ghi thêm nội dung “nhận thay Đỗ Thị Mỹ H1, sinh năm 1974, ngụ tại TA, T, Bình Dương” nhưng bà Trương Ánh T1 không cung cấp tài liệu, chứng cứ để giải trình đối với khoản vay 300.000.000 đồng thì bà Trương Ánh T1 chỉ nhận dùm bà Đỗ Thị Mỹ H1 và đã giao số tiền này cho bà H1. Bà Trương Ánh T1 không có yêu cầu phản tố, do đó có cơ sở xác định bà Trương Ánh T1 đã vay của ông Nguyễn Văn V tổng số tiền 810.000.000 đồng và 01 lượng vàng SJC. Đến hạn thanh toán theo thỏa thuận nhưng bà Trương Ánh T1 chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ngày 29 tháng 6 năm 2020, ông Nguyễn Văn V chết. Căn cứ vào tường trình quan hệ thân nhân của ông V thì hàng thừa kế thứ nhất của ông V gồm bà Nguyễn Thị T, bà T2, ông H và bà T3. Do bà Trương Ánh T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà Nguyễn Thị T đại diện cho những người thừa kế theo pháp luật của ông V khởi kiện yêu cầu bà Trương Ánh T1 thanh toán toàn bộ số tiền vay 810.000.000 đồng và 01 lượng vàng SJC là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 195, 609, 612, 613, 614, 651, 652 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với 01 lượng vàng SJC, nguyên đơn bà T yêu cầu quy đổi ra tiền Việt Nam đồng để yêu cầu thanh toán, nguyên đơn đồng ý chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán 01 lượng vàng SJC tương đương với giá trị tiền là 50.000.000 đồng; trong quá trình giải quyết vụ án, các đồng thừa kế khác của ông V cũng thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo các tài liệu, xác minh của Tòa án về giá vàng SJC bán ra tại thời điểm xét xử thể hiện giá 01 lượng vàng SJC là 67.250.000

đồng; việc nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả khoản vay 01 lượng vàng SJC tương đương với số tiền 50.000.000 đồng là có lợi cho bị đơn nên cần ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn.

Về tiền lãi suất: Nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi đối với 02 khoản vay ngày 03 tháng 10 năm 2017, đối với khoản vay 10.000.000 đồng và 01 lượng vàng SJC nguyên đơn không yêu cầu tính lãi. Mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu là 10%/năm, thời gian bắt đầu tính lãi từ ngày 09 tháng 10 năm 2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Trương Ánh T1 trả lại số tiền đã vay của ông Nguyễn Văn V (chồng bà Nguyễn Thị T) nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn bà Trương Ánh T1 có hộ khẩu thường trú tại thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

[1.3] Về tư cách tố tụng:

Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1950, chết năm 2020 sống chung như vợ chồng với bà Nguyễn Thị T từ năm 1970; ông V và bà T không đăng ký kết hôn.

Ông V và bà Nguyễn Thị T sống chung như vợ chồng từ trước ngày 03 tháng 01 năm 1987. Căn cứ Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm a mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000, quan hệ hôn nhân giữa ông V và bà Tuyết là hôn nhân thực tế, được pháp luật công nhận.

Ông V và bà Nguyễn Thị T có 03 con chung:

1. Bà Nguyễn Văn T2, sinh năm 1971.
2. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1974.
3. Bà Nguyễn Văn T3, sinh năm 1978.

Ngoài ra, ông V không còn người con riêng hay con nuôi nào khác.

Cha ông V là ông Nguyễn Tấn S, sinh năm 1928, chết năm 2012; mẹ ông V là bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1927, chết năm 1978.

Căn cứ Điều 612 và 613 Bộ luật Dân sự năm 2015, bà Nguyễn Thị T có quyền khởi kiện yêu cầu bà Trương Ánh T1 trả số tiền đã vay của ông Nguyễn Văn V (chồng bà Nguyễn Thị T); Tòa án xác định bà Nguyễn Thị T là nguyên đơn và các con của bà Tuyết, ông V gồm ông H, bà T2, bà T3 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[1.4] Về việc tham gia tố tụng của đương sự: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T2, bà T3, bà H1, ông H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn bà Trương Ánh T1 được Tòa án đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ các Điều 180, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Nguyễn Thị T khởi kiện và cung cấp chứng cứ là 02 giấy vay tiền ngày 03 tháng 10 năm 2017, giấy vay tiền ngày 10 tháng 02 năm 2018; các giấy vay tiền có nội dung rõ ràng; ở phần cuối các giấy vay tiền đều ghi “đã nhận đủ số tiền...”; bà Trương Ánh T1 có ký tên, lăn tay vào các giấy vay tiền trên và ghi rõ đã nhận đủ tiền vay.

[2.2] Nội dung các giấy vay tiền đều thể hiện ông V cho bà Trương Ánh T1 vay tiền có kỳ hạn, giấy vay không thể hiện lãi suất vay. Căn cứ quy định tại các Điều 463, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì đây là các hợp đồng vay tiền có kỳ hạn và không có lãi suất.

- Giấy vay tiền thứ nhất ngày 03 tháng 10 năm 2017 thể hiện ông V cho bà Trương Ánh T1 vay số tiền 500.000.000 đồng, thời gian vay 05 ngày. Như vậy ngày cuối cùng của thời hạn vay là ngày 08 tháng 10 năm 2017.

- Giấy vay tiền thứ hai ngày 03 tháng 10 năm 2017 thể hiện ông V cho bà Trương Ánh T1 vay số tiền 300.000.000 đồng, thời gian vay 05 ngày. Như vậy ngày cuối cùng của thời hạn vay là ngày 08 tháng 10 năm 2017.

- Giấy vay tiền thứ ba ngày 10 tháng 02 năm 2018 thể hiện ông V cho bà Tuyết vay số tiền 10.000.000 đồng và 01 lượng vàng SJC, thời gian vay 01 tháng. Như vậy ngày cuối cùng của thời hạn vay là ngày 10 tháng 3 năm 2018.

Tổng số tiền vay của 03 lần vay tiền là 810.000.000 đồng và 01 lượng vàng SJC. Bà Trương Ánh T1 không cung cấp chứng cứ chứng minh số tiền bà Trương Ánh T1 đã vay ông V không phải số tiền 810.000.000 đồng và 01 lượng vàng SJC; không cung cấp chứng cứ chứng minh đã trả tiền vay cho ông V. Do đó, bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu bà Trương Ánh T1 trả cho bà Nguyễn Thị T và các thừa kế khác của ông V gồm ông H, bà Vân, bà T2 các khoản tiền:

- 800.000.000 đồng của khoản vay ngày 03 tháng 10 năm 2017 và tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày đến hạn trả tiền ngày 09 tháng 10 năm 2017 đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 19 tháng 5 năm 2023 với số tiền 448.889.000 đồng (800.000.000 đồng x 5 năm 7 tháng 10 ngày x 10%/năm) là có căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội

đồng xét xử chấp nhận.

- 10.000.000 đồng của khoản vay ngày 10 tháng 02 năm 2018. Bà Nguyễn Thị T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T3, bà T2, ông H chỉ yêu cầu trả tiền vay gốc, không yêu cầu tính lãi suất.

Đối với 01 lượng vàng SJC của khoản vay ngày 10 tháng 02 năm 2018: Tại Công văn số 204/2023/CV-CTY ngày 10 tháng 5 năm 2023, Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận (PNJ) cung cấp thông tin giá 01 lượng vàng SJC tại thời điểm tháng 5 năm 2023 là 67.250.000 đồng. Nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T3, bà T2, ông H xác định chỉ yêu cầu bà Trương Ánh T1 trả 01 lượng vàng SJC quy đổi ra tiền Việt Nam đồng với số tiền 50.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Đây là ý chí tự nguyện của bà Nguyễn Thị T, ông H, bà T3, bà T2 và có lợi cho bị đơn bà Trương Ánh T1 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

[4] Đối với bản chính Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Âm thực K8 (do bà Trương Ánh T1 là giám đốc) thì bà Nguyễn Thị T và những người thừa kế khác của ông Nguyễn Văn V có trách nhiệm liên đới trả lại cho bà Trương Ánh T1 sau khi bà Trương Ánh T1 thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền vay.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và các Điều 147, 180, 184, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Căn cứ Điều 429, 463, 466, 468, 470, 609, 612, 613, 614, 651 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đối với bị đơn bà Trương Ánh T1.

Buộc bà Trương Ánh T1 có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Vân T2, ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Vân T3 số tiền 1.308.889.000 đồng (một tỷ ba trăm lẻ tám triệu tám trăm tám mươi chín nghìn đồng), trong đó gồm 860.000.000 đồng (tám trăm sáu mươi triệu đồng) tiền vay gốc và 448.889.000 đồng (bốn trăm bốn mươi tám triệu tám trăm tám mươi chín nghìn đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi bà Trương Ánh T1 trả hết số tiền 1.308.889.000 đồng (một tỷ ba trăm lẻ tám triệu tám trăm tám mươi chín nghìn đồng) cho bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Vân T2, ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Vân T3 thì bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Vân T2, ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Vân T3 có trách nhiệm liên đới trả lại cho bà Trương Ánh T1 bản chính Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Âm thực K8 (do bà Trương Ánh T1 là giám đốc) cho bà Trương Ánh T1.

2. Về chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng:

Bà Nguyễn Thị T tự nguyện chịu toàn bộ, được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị T không phải chịu.

Bà Trương Ánh T1 phải chịu 51.266.670 đồng (năm mươi một triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm bảy mươi đồng).

4. Dương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hằng

